

THÔNG BÁO SỐ 02

V/v triển khai Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXXII, năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 441-KH/TWĐTN-KHCN ngày 10/02/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc Tổ chức Hội thi Tin học trẻ toàn quốc lần thứ XXXII, năm 2026; căn cứ tình hình thực tế triển khai đợt thi thứ nhất Vòng loại và kế hoạch tổ chức Trại hè Sáng tạo khoa học, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ (cơ quan thường trực Ban Tổ chức Hội thi) thông báo một số nội dung triển khai Hội thi, cụ thể như sau:

1. Kết quả Vòng loại đợt thi thứ nhất các bảng A, B, D1, M1, M2

1.1. Công nhận kết quả Vòng loại quốc gia đợt thi thứ nhất và lựa chọn thí sinh các bảng A, B, D1, M1, M2 tham gia Vòng Khu vực (có danh sách chi tiết kèm theo):

- Đối với các bảng A, B, M1, M2: Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi và thời gian làm bài), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Bảng A không xét chọn đối với các bài thi dưới 100 điểm; Bảng B không xét chọn đối với các bài thi dưới 60 điểm; Bảng M1, M2 không xét chọn đối với các bài thi dưới 20 điểm.

- Đối với bảng D1: Lựa chọn theo thứ hạng từ cao xuống thấp theo từng khu vực (căn cứ điểm thi, thí sinh bằng điểm thi xếp cùng hạng), số lượng lựa chọn không vượt quá số lượng tối đa đã công bố trong thể lệ. Không xét chọn đối với các bài thi dưới 20 điểm.

1.2. Hội đồng Giám khảo kiểm tra, thẩm định và kết luận hủy kết quả 15 bài thi do vi phạm Quy chế thi đã được ban hành: (1) có dấu hiệu sao chép bài hoặc sử dụng các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời không nộp video ghi màn hình làm bài thi hoặc có nộp video ghi màn hình nhưng không thể hiện được quá trình thí sinh lập trình, nộp bài trên Hệ thống tinhocTre.vn; (2) sử dụng các môi trường lập trình trực tuyến (Scratch online, OneCompiler, ...).

Thông tin cần trao đổi vui lòng liên hệ đồng chí Đoàn Quang Trung, Chuyên viên Phòng Khoa học công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, email: tainangviet.twd@gmail.com, số điện thoại: 0344 268 982.

2. Hướng dẫn đăng ký tham gia Trại hè Sáng tạo khoa học

Theo Thông báo số 01, Ban Tổ chức ưu tiên xét chọn các thí sinh bảng A, B, D1, M1, M2 đạt kết quả cao tại Vòng loại tham dự Trại hè Sáng tạo khoa học

do Trung tâm tổ chức. Trại hè là không gian để học sinh yêu thích công nghệ có cơ hội được phát triển tư duy logic, tư duy thuật toán, nâng cao kiến thức về lập trình. Cùng với đó, học sinh được tham gia các hoạt động ngoại khóa cung cấp những kỹ năng mềm. Trại hè được chia thành nhiều nội dung, tổ chức tại các khu vực, học sinh tùy vào nhu cầu và điều kiện cá nhân có thể tham gia các nội dung của Trại hè. Cụ thể:

2.1. Nội dung

- Các kiến thức chuyên môn về: Lập trình cơ bản; Lập trình nâng cao Python, C/C++; Toán tư duy và tư duy thuật toán. Tùy thuộc vào nhu cầu và số lượng trại sinh đăng ký sẽ được phân về nhóm theo các hoạt động cụ thể.

- Các kỹ năng về: Làm việc nhóm, phản biện, thuyết trình, lập kế hoạch,...

- Các hoạt động tập thể: Team building, sinh hoạt trại, thể thao, dã ngoại, khám phá,...

2.2. Thời gian, địa điểm

- Trại hè Miền Bắc: Từ ngày 29/6 đến ngày 03/7 tại tỉnh Bắc Ninh.

- Trại hè Miền Trung: Từ ngày 29/6 đến ngày 03/7 tại TP. Đà Nẵng.

- Trại hè Miền Nam: Từ ngày 06/7 đến ngày 10/7 tại TP. Cần Thơ.

2.3. Cách thức đăng ký

Trực tuyến tại địa chỉ: <https://263.org.vn/traihe2026>.

Các thông báo về Trại hè thường xuyên được cập nhật trên Hệ thống dangky.tinhoctre.vn.

Thông tin cần trao đổi vui lòng liên hệ đồng chí Bùi Thị Huyền, Cán bộ Phòng Khoa học công nghệ, Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, email: tainangviet.twd@gmail.com, số điện thoại: 0379 500 806.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Minh Triết - Bí thư TT TWD (để báo cáo);
- Lưu VP, KHCN.



GIÁM ĐỐC

Trần Hữu



KẾT QUẢ ĐỢT THI THỨ NHẤT CÁC BẢNG A, B, D1, M1, M2 VÒNG LOẠI HỘI THI TIN HỌC TRẺ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XXXII, NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 58-TB/KHCN ngày 16 tháng 4 năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ)

	Bảng A		Bảng B		Bảng D1		Bảng M1		Bảng M2	
	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng	Mức điểm	Số lượng
Miền Bắc	297	60	193,3	60	20	9	20	47	20	41
Miền Trung	387	60	181,7	60	35	30	20	21	20	10
Miền Nam	100	51	110	60	20	25	20	19	20	5

Thống kê mức điểm sàn và số lượng thí sinh các bảng A, B, D1, M1 và M2 lựa chọn tham gia Vòng Khu vực thông qua đợt thi thứ nhất Vòng loại năm 2026

I. BẢNG A: LẬP TRÌNH KHỐI TIỂU HỌC**I.1. KHU VỰC MIỀN BẮC**

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0433A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Duy	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0425A026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Minh Khôi	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0391A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Trí	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0383A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Công Bảo Duy	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0879A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Xuân Huy Hoàng	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0475A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Phong	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0300A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Minh Dũng	2014	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0914A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Thế An	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0082A026	Miền Bắc	Sơn La	Vì Tuấn Vũ	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0299A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trịnh Đình Phúc	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0037A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Ngô Ngọc Trúc Giang	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0129A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Bạch Nguyên Khang	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0048A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Đình Minh Khang	2017	496	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0075A026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Phước Thái	2016	495	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0757A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Trọng Hiếu	2015	490	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0510A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lương Hải Khôi	2017	485	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0039A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đại Quang	2017	484	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0035A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc An	2015	472	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0492A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Minh Hoàng	2015	472	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0234A026	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Trần Trung Đức	2015	472	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0020A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Anh Tuấn	2015	472	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0489A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Thái Bảo	2015	462	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0623A026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Minh Khôi	2015	445	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0055A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đông Vũ Đăng Khoa	2015	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0031A026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Hà Ngân	2016	437	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0441A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Việt Anh	2016	437	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0643A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Văn Phú	2015	427	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0021A026	Miền Bắc	Hà Nội	Doãn Minh Hiếu	2016	414	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0345A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hồng Phong	2015	410	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0334A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Trung Dũng	2015	405	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0057A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Trần Hoàng Huy	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0196A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Khang	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0922A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Dương Bảo Nam	2016	398	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0483A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Anh	2016	397	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0756A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0079A026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Phước Khiêm	2018	372	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0482A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Doãn Quang Minh	2015	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0481A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đông Văn Huy	2016	370	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0326A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Anh	2015	360	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0705A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Nam	2015	360	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0327A026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Nam Khánh	2015	347	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0313A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Triệu Phi	2015	346	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0485A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đông Văn Đông	2015	332	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0848A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hoàng Tuấn Anh	2016	325	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0884A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Tuấn Hùng	2015	322	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0338A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Đức Anh	2015	320	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0480A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đặng Nguyễn Khải Thiên	2016	311	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0167A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khang	2016	307	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49	0302A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tuấn Kiệt	2015	307	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50	0309A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Hoàng Tú Anh	2015	306	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51	0519A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Cảnh Phúc Nguyên	2016	305	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52	0124A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Danh Nhân	2015	305	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53	0197A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Trần Khắc Duy	2015	304	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54	0912A026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Tùng Lâm	2016	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55	0752A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Tuấn Hào	2015	300 (Sau phúc khảo)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56	0431A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Bảo	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
57	0382A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Bảo An	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
58	0280A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Phúc Tuệ Hải	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59	0310A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Đăng Khoa	2015	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60	0328A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Hữu Bảo	2016	297	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61	0340A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hữu Thành Đạt	2015	296	
62	0685A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Hoàng Dương	2016	295	
63	0857A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Lê Gia Phú	2015	295	
64	0056A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Khải	2017	290	
65	0264A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Sỹ Tuấn Minh	2018	290	
66	0575A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Tú	2016	285	
67	0872A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Quang	2017	284	
68	0718A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hiễn	2015	281	
69	0622A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Quốc Bảo	2015	280	
70	0459A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Kiến An	2016	278	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
71	0384A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Ngọc Phương My	2015	260	
72	0743A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trần Anh Quốc	2015	252	
73	0900A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nguyễn Nam Sơn	2015	252	
74	0301A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tùng Khoa	2015	250	
75	0134A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Quỳnh Chi	2015	250	
76	0423A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Anh	2015	245	
77	0777A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Huy Hoàng	2015	236	
78	0053A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Đào Hoàng Bách	2016	231	
79	0117A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Huy	2016	222	
80	0016A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	2015	215	
81	0676A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đình Duy Anh	2015	210	
82	0034A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đăng Lâm	2016	210	
83	0759A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phi Sơn	2015	210	
84	0287A026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Minh Khôi	2015	210	
85	0660A026	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Phúc Minh Khôi	2017	208	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
86	0725A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Như Linh	2015	207	
87	0442A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Nguyên	2015	205	
88	0524A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Hoàng Thành	2016	204	
89	0800A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thiên Quang	2016	200	
90	0174A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nhật Minh	2017	200	
91	0584A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Vũ Hoàng Nguyên	2015	200	
92	0440A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Minh	2016	200	
93	0357A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phùng Đăng Minh	2015	200	
94	0069A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Gia Thanh Phong	2016	200	
95	0687A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	2015	200	
96	0624A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Chu Việt Khôi	2015	200	
97	0386A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Thanh	2016	200	
98	0865A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Đăng Khánh	2016	200	
99	0120A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Phương Chi	2017	194	
100	0916A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hoàng Nam	2015	190	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
101	0308A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hồ Ngọc Hân	2015	190	
102	0111A026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Hải Nam	2015	187	
103	0126A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Gia Huy	2015	180	
104	0491A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hiền Minh	2016	180	
105	0804A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hưng Phúc	2016	175	
106	0707A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	170	
107	0360A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Ngọc Nam Phong	2017	170	
108	0151A026	Miền Bắc	Hà Nội	Kiều Đình Thái Bảo	2016	170	
109	0597A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2016	166	
110	0329A026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Đoàn Chí Bảo	2016	160	
111	0341A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Anh Khôi	2016	145	
112	0533A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Ngọc Nhật Anh	2016	140	
113	0044A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Cao Minh Thiện	2015	135	
114	0252A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Vượng	2015	135	
115	0486A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Nhật Minh Lâm	2015	131	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
116	0088A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2017	130	
117	0668A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Văn Hoàng Thành	2015	130	
118	0358A026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Bảo Kiệt	2016	130	
119	0749A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nguyên Việt	2015	130	
120	0455A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Tô Phương Liên	2015	130	
121	0304A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hà Phong	2015	130	
122	0405A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Trí Đạt	2015	126	
123	0133A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Thành Công	2015	125	
124	0106A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Phú Quốc	2016	125	
125	0794A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Trần Minh Đức	2015	122	
126	0353A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Thanh Bình	2015	120	
127	0770A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đỗ Đức Hùng	2016	120	
128	0303A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Bảo Minh	2016	120	
129	0128A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Phan Huy Tuấn Trường	2015	120	
130	0658A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đắc Minh	2015	120	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
131	0539A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Thế Tuấn Kiệt	2015	116	
132	0612A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hoàng Bách	2016	112	
133	0130A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Dương Tiến Minh	2015	110	
134	0534A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tuấn Minh	2015	110	
135	0833A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Cao Anh Kiệt	2015	110	
136	0661A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Duy Bảo Minh	2015	110	
137	0740A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Thành	2015	110	
138	0706A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Khương Duy	2015	110	
139	0494A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Triều Phong	2015	105	
140	0739A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Tùng	2015	100	
141	0741A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Minh	2015	100	
142	0311A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Quang	2015	100	
143	0890A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Toàn Minh Thái	2015	100	
144	0028A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Ngô Tuấn Minh	2016	100	
145	0672A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Minh Vũ	2016	100	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
146	0693A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Minh Trí	2017	100	
147	0828A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Đỗ Bảo	2015	100	
148	0294A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Đỗ Đăng Quang	2016	100	
149	0395A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Ngọc Bách	2016	95	
150	0095A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Lê Anh Khoa	2017	92	
151	0625A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Nhật Đông	2016	92	
152	0748A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Diệp Anh	2015	90	
153	0393A026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Tiến Doanh	2015	90	
154	0577A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hoàng Quân	2016	80	
155	0065A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Nam	2016	80	
156	0232A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Hải Đăng	2015	80	
157	0831A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phúc An	2015	80	
158	0439A026	Miền Bắc	Hưng Yên	Đỗ Việt Dũng	2015	75	
159	0195A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	2016	60	
160	0758A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Thanh Quỳnh	2016	60	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
161	0484A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Đan	2016	60	
162	0775A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đặng Minh Khôi	2015	60	
163	0184A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Gia Huy	2015	60	
164	0406A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Lê Hương Giang	2016	55	
165	0862A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Xuân Lâm	2016	40	
166	0605A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tâm Minh Tuệ	2016	30	
167	0638A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Ngọc Nhi	2015	30	
168	0135A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Xuân Nguyên	2015	30	
169	0869A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Ngọc Khánh Linh	2017	20	
170	0010A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Hữu Phước	2016	20	
171	0054A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đoàn Thành Nam	2015	20	
172	0049A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Dương	2015	10	
173	0754A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Phan Đăng Huy	2015	10	
174	0139A026	Miền Bắc	Lào Cai	Đỗ Đại Nam	2016	0	
174	0154A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Tấn Gia Bảo	2016	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
174	0188A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Hải Đăng	2016	0	
174	0238A026	Miền Bắc	Hà Nội	Vi Minh Khang	2017	0	
174	0267A026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Hà Trung	2015	0	
174	0377A026	Miền Bắc	Ninh Bình	Bùi Quang Huy	2016	0	
174	0418A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Vinh	2015	0	
174	0476A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Sơn	2015	0	
174	0525A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hữu Bảo An	2016	0	
174	0561A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Huy Tuấn Khôi	2015	0	
174	0566A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đăng Khoa	2015	0	
174	0572A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Nhật Quang	2016	0	
174	0581A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Trần Thanh Mai	2016	0	
174	0656A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Ngọc Tuấn	2015	0	
174	0657A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Ngọc Tú	2015	0	
174	0666A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Ngọc Như Ý	2016	0	
174	0670A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Đức Huy	2015	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
174	0674A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thành Nam	2016	0	
174	0675A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Gia Hân	2016	0	
174	0712A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bá Quang	2016	0	
174	0735A026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Minh	2016	0	
174	0769A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Duy Đức	2015	0	
174	0773A026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đỗ Quang Huy	2015	0	
174	0791A026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Lâm	2016	0	
174	0813A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Phú Đạo	2016	0	
174	0820A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lương Tuấn Kiệt	2016	0	
174	0902A026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Trâm Anh	2015	0	
174	0909A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Văn Phước	2016	0	
174	0925A026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Vượng	2016	0	
174	0067A026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Nguyễn Hoàng Nam	2016	0	
174	0717A026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Minh Phúc	2015	0	

Danh sách gồm 204 thí sinh./.

I.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0854A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Danh Hà	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0112A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Tiến	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0422A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Minh Khoa	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0669A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Nguyên Khang	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0430A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huy Bảo	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0080A026	Miền Trung	Nghệ An	Ngô Bá Minh Phúc	2017	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0545A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc An Nhiên	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0678A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Thiên Minh	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0550A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Ngọc Đăng Khoa	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0246A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Nguyễn Khánh Chi	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0046A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Khánh Lâm	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0499A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quang Khải	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0178A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Võ Đăng Khôi	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0823A026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Gia Huy	2016	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0036A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Bá An	2017	495	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0416A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Khoa	2015	495	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0472A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Ngọc Hà My	2015	490	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0555A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lê Phương Dung	2015	490	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0061A026	Miền Trung	Nghệ An	Lê Lam	2015	490	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0292A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Quang Anh	2015	480	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0684A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lê Nhật Minh	2015	475	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0071A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Tô Chí Kiên	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0817A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Anh	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0420A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Sỹ Nguyên	2015	460	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0595A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Hưng	2015	460	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0273A026	Miền Trung	Nghệ An	Lô Huy Anh	2016	459	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0077A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Minh Kiên	2015	455	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0887A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Vĩnh Khang	2015	450	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0194A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Hùng Khang	2015	446	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0050A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Như Nhật Minh	2016	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0038A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Quang Minh	2016	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0121A026	Miền Trung	Nghệ An	Bùi Tiến Đạt	2016	440	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0446A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Nguyễn Tường Vy	2015	437	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0923A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Đắc Khôi	2015	436	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0547A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Hoàng Gia	2015	435	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0782A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Thanh Huy	2015	435	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0766A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phạm Duy Cường	2015	435	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0596A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Hoàng Minh Đức	2015	432	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0724A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phước Thịnh	2015	425	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0336A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Nhật	2015	420	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0116A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Sơn	2015	417	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0343A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Đức Trí	2015	415	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0125A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huỳnh Ngọc Gia Bảo	2015	413	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0424A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đoàn Hoàng Sơn	2015	410	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0269A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Trần Khôi Nguyên	2015	408	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0298A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Minh Triết	2015	402	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0040A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Trí	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0249A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Minh Hoàng	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49	0812A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tấn Minh Khoa	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50	0361A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Tôn Nữ Nhã Viên	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51	0225A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Lưu Nguyên Khang	2016	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52	0560A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Quốc Toàn	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53	0697A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Quang Nhân	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54	0474A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Bảo	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55	0150A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Mạnh Hùng	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56	0795A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Đình Minh Huy	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
57	0513A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thuận An	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58	0721A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Nguyễn Bảo An	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59	0734A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Việt Khôi Nguyên	2015	395	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60	0164A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Diệp	2015	387 (Thời gian: 03:31:10)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61	0473A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quang Thành Đạt	2015	387 (Thời gian: 05:23:23)	
62	0374A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Ngọc Thiên Phúc	2015	385	
63	0508A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Trúc	2015	384	
64	0110A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Huỳnh Thiên Nhân	2015	382	
65	0737A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Duy Khoa	2015	380	
66	0444A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trí Thành	2015	380	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
67	0344A026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Pháp	2016	362	
68	0435A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Gia Hân	2015	360	
69	0818A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Ngọc Thiên Bình	2015	360	
70	0898A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đình Hữu Bảo	2015	360	
71	0306A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Châu	2015	355	
72	0803A026	Miền Trung	Nghệ An	Từ Đức Anh	2015	352	
73	0464A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Chí Bảo	2015	340	
74	0157A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Hoàng Minh	2015	340	
75	0084A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Hoàng	2016	335	
76	0849A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Khánh Quỳnh	2015	322	
77	0451A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Lê Nguyên Kha	2015	320	
78	0411A026	Miền Trung	Huế	Nguyễn Quang Phúc	2016	320	
79	0598A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh An	2015	320	
80	0219A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Anh Minh	2015	315	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
81	0015A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Xuân Ngọc Khuê	2017	310	
82	0437A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Thảo Nhi	2015	307	
83	0563A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Phúc	2015	306	
84	0022A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Minh Bảo	2015	305	
85	0592A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Kiều Gia Phúc	2016	305	
86	0487A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trọng Hoàng Quân	2015	304	
87	0090A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Thảo Nguyên	2015	302	
88	0809A026	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Nhật Quang	2015	300	
89	0390A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thế Hiền	2015	300	
90	0064A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Duy Khôi	2015	300	
91	0906A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Văn Anh	2015	300	
92	0619A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Mẫn Nhi	2015	300	
93	0266A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hữu Thắng	2015	300	
94	0443A026	Miền Trung	Nghệ An	Cao Niên Tiến Đạt	2016	300	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
95	0347A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Xuân Thành An	2015	300	
96	0379A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vĩnh Kỳ	2015	300	
97	0409A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Nguyễn Hoàng Phát	2015	298	
98	0029A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hoàng Gia	2015	297	
99	0888A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phạm Minh Khang	2015	297	
100	0747A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Anh Kiệt	2015	297	
101	0736A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Trần Minh An	2016	292	
102	0883A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Đăng Sơn	2016	289	
103	0719A026	Miền Trung	Quảng Trị	Lê Nhật Tân	2015	282	
104	0242A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Việt	2015	282	
105	0468A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Anh Khoa	2015	282	
106	0346A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hải Minh	2016	280	
107	0058A026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Võ Huỳnh An Khang	2016	275	
108	0296A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Việt Hoàng	2015	270	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
109	0843A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Việt Bảo	2016	270	
110	0288A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Văn Khôi	2016	270	
111	0059A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Chính Khang	2016	266	
112	0497A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Công Tiến	2015	262	
113	0372A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Hải Phong	2015	250	
114	0041A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Hoàng Anh Thư	2015	242	
115	0628A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Nhật	2016	240	
116	0554A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đình Thiện Minh	2016	232	
117	0115A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Chấn Phong	2015	231	
118	0897A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Phước Huy	2015	230	
119	0548A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ninh Quang Ngọc	2015	226	
120	0460A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Xuân Hoàng	2016	220	
121	0509A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trương Công Dũng	2015	220	
122	0921A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Thiên Kim	2015	220	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
123	0558A026	Miền Trung	Thanh Hóa	Trần Gia Hưng	2015	220	
124	0436A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Anh Duy	2015	220	
125	0825A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phúc Nguyên	2015	220	
126	0398A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Ngọc Phương Nam	2015	217	
127	0322A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Hân	2015	212	
128	0182A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Nguyễn Bảo Quỳnh	2015	210	
129	0802A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Dương Minh Tài	2015	210	
130	0101A026	Miền Trung	Nghệ An	Phạm Trường Thành	2015	210	
131	0370A026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Bá Luân	2015	210	
132	0350A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Thị Bảo Trân	2015	210	
133	0708A026	Miền Trung	Quảng Trị	Gia Phúc Trần	2015	202	
134	0839A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Ngọc Đăng Khôi	2015	200	
135	0826A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trần Phúc Hưng	2015	200	
136	0681A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Cẩm Tú	2015	200	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
137	0087A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Kiều Hà Hoàng Nguyên	2015	200	
138	0892A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Thiên Ân	2015	200	
139	0583A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Võ Hoàng Hiếu	2016	200	
140	0553A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Thái Nguyên	2015	200	
141	0146A026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Duy Nhật Nam	2017	200	
142	0565A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Xuân Khánh	2015	200	
143	0142A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn An	2015	190	
144	0880A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Trần Bảo Khang	2015	190	
145	0017A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Bá Nhật Minh	2016	190	
146	0631A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyên Anh	2015	189	
147	0521A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Lâm Huy	2015	182	
148	0746A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Nhật Bảo	2015	180	
149	0594A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Tuấn Khải	2015	180	
150	0855A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Tiến Đạt	2015	180	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
151	0611A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Huy	2015	175	
152	0066A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đăng Lâm	2015	170	
153	0045A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trịnh Thế Phúc	2016	170	
154	0571A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Nhật Huy	2015	160	
155	0627A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm An Hy	2016	160	
156	0013A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thế Sơn	2015	150	
157	0083A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Cẩm Tú	2015	150	
158	0632A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Anh Minh	2016	148	
159	0797A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Tường Quân	2015	148	
160	0579A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Khắc Nghị	2015	140	
161	0330A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Ngân Khánh	2015	140	
162	0233A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Phát	2015	140	
163	0702A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hải Nam	2015	137	
164	0856A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Khổng Vũ Minh Khang	2015	135	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
165	0866A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Ngọc Bảo Hân	2016	134	
166	0438A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoài Gia Minh	2015	130	
167	0132A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thê Đăng	2016	130	
168	0640A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngô Anh Quân	2015	127	
169	0727A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Quỳnh Lâm	2016	125	
170	0024A026	Miền Trung	Gia Lai	Đỗ Đức Trung	2015	125	
171	0891A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Nguyên Khang	2015	125	
172	0780A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Kiệt	2015	122	
173	0278A026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Anh Minh	2016	120	
174	0726A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phú Khải	2015	120	
175	0404A026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Võ Ngọc Dũng	2015	120	
176	0171A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Nguyễn An Viên	2015	120	
177	0816A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Anh Dũng	2015	117	
178	0690A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Lộc	2015	117	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
179	0461A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Đình Minh Ân	2015	115	
180	0691A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đào Trường An	2015	110	
181	0663A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Hiếu	2015	110	
182	0591A026	Miền Trung	Thanh Hóa	Lê Nhật Phương	2015	110	
183	0380A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Vương Hưng	2015	110	
184	0653A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Phong	2015	110	
185	0720A026	Miền Trung	Đắk Lắk	Chu Văn Gia Bảo	2015	110	
186	0243A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	110	
187	0349A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Trung Lộc	2015	105	
188	0696A026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Học Các	2015	105	
189	0692A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Phong	2015	105	
190	0911A026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Ngọc Thiên Khôi	2016	102	
191	0830A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Bảo Sơn	2016	102	
192	0682A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Minh Khuê	2015	102	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
193	0490A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tâm Tuệ Nhi	2016	100	
194	0846A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê An Nhiên	2016	100	
195	0277A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tấn Long	2015	100	
196	0738A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đức Anh	2015	100	
197	0100A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Gia Hưng	2015	100	
198	0284A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Bùi Lương Tuệ Nhi	2015	100	
199	0926A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Duy Minh Thành	2015	100	
200	0654A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Thái Sơn	2015	100	
201	0686A026	Miền Trung	Gia Lai	Lưu Trí An	2015	100	
202	0181A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Nguyễn Bảo Ngọc	2016	100	
203	0285A026	Miền Trung	Quảng Trị	Phạm Bảo An	2015	100	
204	0729A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khánh Linh	2015	92	
205	0204A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Xuân Ngọc Hồng Phúc	2015	90	
206	0293A026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Võ Trâm Anh	2016	90	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
207	0227A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phúc Hải Minh	2015	80	
208	0145A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Minh Khôi	2015	80	
209	0144A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Nguyễn Hoài An	2015	80	
210	0342A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Anh Cao Đạt	2015	70	
211	0806A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Trường Khải	2015	65	
212	0385A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Ngụy Bằng Lam	2016	60	
213	0578A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hà Phương	2015	60	
214	0445A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Vương Tùng Lâm	2016	60	
215	0704A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Phan Tùng Lâm	2016	60	
216	0683A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Hoàng Gia Phát	2015	60	
217	0368A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đinh Vũ Nhật Minh	2016	60	
218	0793A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Thụy Ngọc Bích	2015	60	
219	0512A026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Trịnh Khôi Nguyên	2016	60	
220	0527A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Mậu Hải Lộc	2016	57	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
221	0396A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Tạ Xuân Sơn	2016	52	
222	0603A026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Ngọc Tường Vy	2015	45	
223	0796A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thái Duy	2016	40	
224	0915A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Đức Minh Khôi	2016	40	
225	0275A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Kim Oanh	2015	40	
226	0616A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lưu Gia Phong	2016	40	
227	0808A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Ngô Phúc Anh	2016	30	
228	0755A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Xuân Nhật	2016	20	
229	0479A026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Đinh Ngọc Khương	2015	20	
230	0018A026	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Lê Tú Linh	2016	10	
231	0012A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mạc Tuệ Tú	2015	0	
231	0096A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Minh Hòa	2015	0	
231	0103A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Vũ Bá Tùng	2016	0	
231	0152A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Như Huỳnh Lâm	2015	0	
231	0463A026	Miền Trung	Gia Lai	Đinh Gia Bảo	2015	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
231	0478A026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Văn Gia Hưng	2015	0	
231	0501A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Đặng Quốc Khánh	2016	0	
231	0516A026	Miền Trung	Quảng Trị	Võ Đoàn Bảo Minh	2015	0	
231	0588A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Bảo Phương	2015	0	
231	0626A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Lê Quốc Bảo	2016	0	
231	0648A026	Miền Trung	Gia Lai	Đặng Phúc Lâm	2015	0	
231	0650A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Dương Hoàng Anh	2015	0	
231	0703A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Thư	2015	0	
231	0714A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Thị Trà My	2015	0	
231	0715A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Trần Nguyên Huy	2015	0	
231	0716A026	Miền Trung	Lâm Đồng	Đặng Đình Thanh Phú	2015	0	
231	0896A026	Miền Trung	Nghệ An	Dương Phúc Anh	2015	0	
231	0765A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đại Phúc	2015	0	
231	0821A026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2015	0	

Danh sách gồm 249 thí sinh./.

I.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0762A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyễn Hoàng Nam	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0829A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Quân	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0606A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Quang Bách	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0047A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Nhật Nam	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0011A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Huỳnh Minh Nhân	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0073A026	Miền Nam	Cần Thơ	Huỳnh Đặng Hoàng Long	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0312A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nghiêm Tuấn Phong	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0537A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Hoàng Khang	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0170A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Thiên Bảo	2015	500	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0369A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Gia Phúc	2015	472	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0033A026	Miền Nam	Cà Mau	Danh Gia Huy	2015	465	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0352A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đăng Khang	2015	447	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0590A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Hà	2015	431	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0910A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Công Hào	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0600A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Nguyễn	2015	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0131A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Vượng	2016	400	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0526A026	Miền Nam	Đồng Nai	Cao Gia Bảo	2015	392	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0250A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Thị Kim Ngân	2015	345	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0085A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyễn Khang Nguyên	2015	343	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0354A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Hà Anh	2016	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0356A026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Khánh Quyên	2015	310	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0212A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Gia Hưng	2015	296	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0324A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phạm Gia Bảo	2015	295	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0601A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Tú	2017	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0407A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyên Khôi	2016	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0836A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Tuấn Kiệt	2015	282	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0763A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bảo Nam	2016	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0471A026	Miền Nam	Đồng Nai	Hà Thanh Huyền	2015	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0546A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Khang	2015	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0014A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Hoàng Phúc	2016	234	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0673A026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Hoàng Minh	2015	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0811A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyên Khang	2015	227	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0141A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Quang Phúc	2016	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0810A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hải Hoàng	2015	217	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0315A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Túc	2015	217	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0637A026	Miền Nam	Đồng Nai	Võ Huy Hoàng	2015	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0401A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Thành Hiếu	2016	207	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0688A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hà Quỳnh Chi	2015	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0394A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Thân Nguyễn Nhật Minh	2016	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0318A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Thái Thành An	2015	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0832A026	Miền Nam	Cần Thơ	Võ Lê Cao Nguyên	2016	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0397A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cao Nguyễn Bảo Huỳnh	2015	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0814A026	Miền Nam	Đồng Nai	Phan Hồng Trung Hậu	2015	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0466A026	Miền Nam	Cần Thơ	Phạm Ngọc Minh Đăng	2015	125	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0074A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyễn Đăng Khôi	2016	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0723A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Tấn Tài	2015	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0337A026	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Hữu Phú An	2015	117	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0863A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Nhật Minh	2015	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49	0314A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Đức Toàn	2015	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50	0118A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Huy	2015	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51	0255A026	Miền Nam	Đồng Nai	Bùi Tiến An	2015	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52	0457A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Anh Khoa	2015	90	
53	0935A026	Miền Nam	An Giang	Nông Võ Tuyết Nhi	2015	90	
54	0933A026	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	80	
55	0185A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Minh	2016	80	
56	0908A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phạm Hân Di	2015	80	
57	0903A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Quốc Huy	2016	67	
58	0068A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Công Lâm	2015	60	
59	0493A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Hồng Trang My	2015	40	
60	0822A026	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Tuấn Anh	2015	30	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
61	0852A026	Miền Nam	Đồng Nai	Trương Minh Quân	2016	30	
62	0366A026	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Thiện Nhân	2016	20	
63	0644A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Minh Trí	2015	20	
64	0787A026	Miền Nam	Đồng Nai	Đinh Hồng Đăng	2015	12	
65	0679A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Linh	2017	10	
66	0568A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tào Nguyên Đoàn	2015	10	
67	0934A026	Miền Nam	An Giang	Võ Dương Hoàng Thái	2015	5	
68	0319A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Dương Danh	2015	0	
68	0602A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Hoàng Anh	2016	0	
68	0649A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Mai Quang Bách	2016	0	
68	0751A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trần Tuấn Anh	2016	0	
68	0771A026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hồ Nguyên Bảo	2017	0	
68	0936A026	Miền Nam	An Giang	Thi Cát Ngọc	2015	0	

Danh sách gồm 73 thí sinh./.

II. BẢNG B: LẬP TRÌNH KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ

II.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0371B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hải An	2012	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0047B026	Miền Bắc	Hà Nội	Doãn Tùng Lâm	2013	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0002B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0616B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Quang Thiện	2011	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0535B026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Tuấn Hưng	2012	300	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0306B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Anh Trí	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0065B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Phong	2010	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0367B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Nguyễn Nhật Minh	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0585B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Anh Minh	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0115B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Bách	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0688B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bá Tùng Lâm	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0214B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Huy Minh Quang	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0019B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đỗ Tuệ Nhân	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0298B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Tạ Gia Lộc	2013	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0513B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Cao Tùng Lâm	2013	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0622B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trần Linh Chi	2012	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0658B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phúc Quang Huy	2011	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0043B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Ngọc Lân	2013	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0410B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thanh Tùng	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0056B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hà	2011	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0768B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Tiến Trường	2011	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0566B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Bùi Minh Đức	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0604B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Võ Minh Trí	2014	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0020B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hải Anh	2014	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0392B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoài Nhật Minh	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0722B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trương Minh Nguyễn	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0432B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Duy Phúc An	2013	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0343B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Phúc Minh Khôi	2014	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0434B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Thạc Vân	2014	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0649B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Thành	2013	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0182B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Gia Bảo	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0342B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Anh Minh	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0259B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trung Kiên	2013	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0249B026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Quỳnh Anh	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0408B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Mỹ Hạnh Nguyên	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0483B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Ngọc Trường Giang	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0519B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đại Lâm	2013	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0076B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hùng Anh	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0739B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Nghĩa	2011	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0564B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Vũ Hải Đăng	2012	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0294B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc An	2011	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0202B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trịnh Đình Minh Khang	2012	230	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0563B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Cù Minh Quân	2012	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0366B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Phạm Hải Dương	2011	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0545B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Tuệ	2014	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0068B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Bảo Nam	2012	220	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0542B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Anh Quân	2014	218.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0287B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Quang Vinh	2011	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49	0147B026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Lan Chi	2012	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50	0018B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Chí An	2013	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51	0229B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Ngọc Cao Phong	2012	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52	0605B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Anh	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53	0305B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Bảo Trang	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54	0207B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Tùng	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55	0084B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Minh	2013	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56	0525B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Cao Phú Thịnh	2011	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
57	0581B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nam Phong	2012	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58	0440B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Tuệ Minh	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59	0162B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Vương Anh	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60	0072B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Đức Minh	2012	193.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61	0252B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Vũ Lê Duy	2012	190	
62	0258B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Minh	2014	190	
63	0493B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Quý	2012	190	
64	0496B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Dương Duy Bình	2011	190	
65	0580B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đoàn Vũ Bảo Khiêm	2012	190	
66	0547B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Lê Đức Anh	2014	190	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
67	0549B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Đức	2012	190	
68	0734B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Thế Vinh	2013	190	
69	0485B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Nguyễn Đức Quân	2012	190	
70	0506B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Nam Phong	2011	190	
71	0595B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Gia Linh	2012	190	
72	0701B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Minh	2012	190	
73	0149B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Trọng	2011	190	
74	0435B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hà Phan	2014	185	
75	0005B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Hưng	2012	185	
76	0275B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Thái Sơn	2012	185	
77	0561B026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Khánh Vinh	2013	185	
78	0723B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Gia Bảo	2012	185	
79	0219B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Vũ	2013	185	
80	0083B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Tiến Minh	2014	180	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
81	0577B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Hồ Quang An	2013	180	
82	0015B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Cường	2012	175	
83	0729B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Đỗ Nguyễn Chiến Thắng	2012	175	
84	0691B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Anh Đức	2014	175	
85	0764B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Tuấn Hưng	2013	175	
86	0055B026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Đăng Khoa	2011	175	
87	0334B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Khôi	2013	175	
88	0693B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Dương Gia Minh	2011	175	
89	0295B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Viết Trọng	2014	170	
90	0714B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Bình	2013	170	
91	0382B026	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Đức Huy	2014	165	
92	0507B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Đức Trí	2011	165	
93	0736B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Anh Khôi	2014	165	
94	0216B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Minh Sơn	2014	165	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
95	0541B026	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Bảo Vinh	2013	165	
96	0204B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lã Công Bảo Long	2012	165	
97	0636B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Phong	2013	165	
98	0061B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Gia Bách	2012	165	
99	0446B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Vũ Bình Nguyên	2012	165	
100	0120B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đàm Minh Khôi	2012	165	
101	0573B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Bảo Lâm	2013	160	
102	0384B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Minh	2014	160	
103	0338B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Thanh Quang	2012	160	
104	0218B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thành Vinh	2014	160	
105	0268B026	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Quang Dũng	2014	160	
106	0455B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Hà Quốc Nhật Nam	2011	160	
107	0354B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Phạm Hải Minh	2014	160	
108	0303B026	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Trung Nghĩa	2014	155	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
109	0011B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Kiệt	2012	155	
110	0689B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Đức Cường	2012	155	
111	0526B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Lê Gia Bảo	2012	155	
112	0538B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thạc Trung	2012	155	
113	0228B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Nam	2012	155	
114	0720B026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Đức Anh	2013	155	
115	0742B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Đặng Trí Nhân	2012	155	
116	0034B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Quang Hải	2011	155	
117	0534B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bình Minh	2011	150	
118	0732B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Doãn Đăng Phong	2014	150	
119	0572B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Nguyễn Minh Quang	2012	150	
120	0747B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Phúc Nguyên	2012	150	
121	0667B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Huy Hoàng	2012	150	
122	0190B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Minh Bảo Lâm	2014	148.3	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
123	0240B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Huy	2013	143.3	
124	0374B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Lê Minh Tuấn	2012	140	
125	0415B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Quốc Bảo	2011	138.3	
126	0696B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Phạm Tùng Lâm	2012	135	
127	0657B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Phong	2014	135	
128	0323B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Khắc Bảo Lâm	2011	133.3	
129	0562B026	Miền Bắc	Hà Nội	Dương Hồ Minh Trí	2014	130	
130	0352B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Nguyên Minh	2014	130	
131	0077B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Kiên	2014	130	
132	0675B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Anh Đức	2012	130	
133	0523B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Văn Phong	2012	130	
134	0467B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Đình Gia Bảo	2012	125	
135	0325B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Vũ	2011	125	
136	0412B026	Miền Bắc	Phú Thọ	Dương Tùng Lâm	2012	125	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
137	0520B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quốc Phong	2013	125	
138	0468B026	Miền Bắc	Ninh Bình	Lưu Danh Tùng	2011	123.3	
139	0009B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Gia Bảo	2011	120	
140	0165B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Dương	2011	120	
141	0404B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyenduykhoa	2012	120	
142	0291B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trọng Quốc Cường	2012	120	
143	0725B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Mai Vương Khải	2013	120	
144	0631B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Gia Bảo	2012	120	
145	0750B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hữu Hòa	2011	120	
146	0703B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi An Huy	2014	115	
147	0271B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Mạnh Hùng	2012	113.3	
148	0200B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Hưng	2012	113.3	
149	0212B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Tiến Thanh	2013	110	
150	0540B026	Miền Bắc	Hà Nội	Tạ Minh Quang	2012	110	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
151	0041B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Tất Phong	2013	110	
152	0191B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Anh Khoa	2012	110	
153	0163B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Phúc Minh	2014	110	
154	0322B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Hoàng Quốc Việt	2014	110	
155	0223B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ An Phát	2011	110	
156	0004B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Phúc	2012	110	
157	0400B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Quang Anh	2014	110	
158	0316B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trần Minh Sơn	2013	110	
159	0753B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Nhật Trường	2011	110	
160	0066B026	Miền Bắc	Hưng Yên	Nguyễn Thiện Nhân	2014	105	
161	0626B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Sơn Hoàng Bách	2013	103.3	
162	0647B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Khôi Nguyên	2013	103.3	
163	0650B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Trần Hải Đăng	2014	101.7	
164	0441B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đỗ Trí Dũng	2012	100	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
165	0494B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Hà Minh	2013	100	
166	0755B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khôi Nguyên	2014	100	
167	0349B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Trường Giang	2014	100	
168	0201B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Thái Khuê	2013	100	
169	0737B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Kiến Văn	2013	100	
170	0407B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Hà	2012	100	
171	0656B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tiến Đạt	2011	100	
172	0405B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Trịnh Đức Minh	2011	100	
173	0629B026	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Đức Minh Quân	2013	100	
174	0355B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trường Long	2012	100	
175	0436B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Duy Khoa	2011	100	
176	0719B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Vũ Huy Tùng	2014	100	
177	0735B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Trung Nghĩa	2013	95	
178	0063B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Tuấn Cường	2013	90	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
179	0570B026	Miền Bắc	Hung Yên	Lê Văn Minh	2012	90	
180	0166B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Xuân Bách	2012	90	
181	0498B026	Miền Bắc	Hà Nội	Thạch Đình Quân	2014	85	
182	0264B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Hoàng Minh Quân	2014	83.3	
183	0589B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hải Phong	2014	80	
184	0411B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Nhật Minh	2014	80	
185	0504B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Long	2012	80	
186	0763B026	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Thái Quang	2012	80	
187	0529B026	Miền Bắc	Hà Nội	Mac Quang Minh	2014	80	
188	0633B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Khôi Nguyên	2014	80	
189	0085B026	Miền Bắc	Hung Yên	Đỗ Minh Khôi Nguyên	2012	80	
190	0486B026	Miền Bắc	Hà Nội	Thiều Nam Phong	2014	80	
191	0539B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Tiến Bình	2014	80	
192	0092B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Hải Long	2011	80	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
193	0661B026	Miền Bắc	Hung Yên	Vương Đức Minh	2012	80	
194	0641B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thúy Quỳnh	2012	80	
195	0497B026	Miền Bắc	Bắc Ninh	Ngô Thành Long	2011	80	
196	0104B026	Miền Bắc	Lào Cai	Nguyễn Minh Quân	2012	80	
197	0199B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Tùng Khôi	2013	60	
198	0387B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Đoàn Đức Anh	2013	43.3	
199	0385B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khôi	2013	20	
200	0477B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Tuyên	2012	20	
201	0628B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Anh	2014	20	
202	0627B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Minh Khang	2012	10	
203	0017B026	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Minh Trí	2012	0	
203	0050B026	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Nhật	2014	0	
203	0086B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Hoàng Gia Huy	2011	0	
203	0097B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Khánh Hải	2011	0	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
203	0394B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Long	2012	0	
203	0508B026	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Phan Gia Huy	2014	0	
203	0512B026	Miền Bắc	Hà Nội	Văn Quang Anh	2014	0	
203	0522B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Minh Quang	2014	0	
203	0530B026	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Thái Sam	2013	0	
203	0571B026	Miền Bắc	Thái Nguyên	Tạ Hồng Anh	2014	0	
203	0578B026	Miền Bắc	Hung Yên	Trần Như Đăng	2014	0	
203	0619B026	Miền Bắc	Hà Nội	Hồ Anh Huy	2014	0	
203	0639B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Nguyễn Hoàng Uy	2013	0	
203	0655B026	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Hải Phong	2014	0	
203	0653B026	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hoàng Dương	2013	0	
203	0721B026	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bảo Phong	2013	0	

Danh sách gồm 218 thí sinh./.

II.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0670B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Danh Bình	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0555B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Bùi Anh Nhật	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0109B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Bách	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0421B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Mạnh Hưng	2013	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0462B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quốc Gia Hưng	2013	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0634B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Phạm Tấn Khoa	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0198B026	Miền Trung	Nghệ An	Thái Hải Nam	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0598B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Huỳnh Gia Khiêm	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0430B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Đỗ Nguyễn Gia Bảo	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0236B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Khải Nguyên	2011	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0402B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Trần Như Ý	2013	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0574B026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Duy Anh	2012	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0592B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trương Doãn Sáng	2012	270	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0007B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Phúc Khang	2014	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0518B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Hoàng Bảo Long	2013	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0157B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Nguyễn Quang Vinh	2013	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0046B026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Quốc Long	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0515B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Nguyễn Bảo Long	2011	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0717B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Phan Công Nhật Long	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0079B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Ngọc Gia Hưng	2013	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0554B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Nguyễn Hoàng Vương	2012	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0492B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Phúc Báu	2011	260	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0315B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Lê Huỳnh Phúc Hưng	2012	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0248B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Anh Khôi	2011	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0006B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Chí Dũng	2014	255	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0346B026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Phúc Bảo Khang	2011	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0302B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Phương Anh	2013	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0193B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Hàm Long Vũ	2012	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0401B026	Miền Trung	Gia Lai	Trần Quang Vinh	2013	248.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0733B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc An Quyên	2013	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0093B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Nguyễn Minh Khang	2014	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0035B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đoàn Ngọc Ánh	2014	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0319B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Mậu Bảo Khánh	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0459B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Dương Hoàng Văn	2012	245	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0596B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Duy Khôi	2012	238.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0373B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Quốc Thiện	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0460B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Hồ Sĩ Quang Hải	2012	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0038B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hồng Giáp	2014	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0553B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Đỗ Viết Nguyên	2012	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0261B026	Miền Trung	Quảng Ngãi	Trần Quang Minh	2012	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0395B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Khắc Trung Hiếu	2013	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0682B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Duy Mạnh Dũng	2011	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0372B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Phan Hoàng Bảo Long	2011	225	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0167B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Bảo Nhật	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0333B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Trương Tuấn Kiên	2013	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0081B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Kim Tuấn Kiệt	2012	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0668B026	Miền Trung	Quảng Trị	Nguyễn Quang Khánh Vũ	2014	205	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0445B026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Thuận Vỹ	2012	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49	0396B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Doãn Nguyên	2013	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50	0137B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Tăng Hải Dương	2013	195	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51	0489B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Trần Hoàng Quân	2011	193.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52	0488B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Khôi	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53	0552B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Thanh Bảo Nam	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54	0397B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Tá Nhật	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55	0181B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Vũ Tiến Đoàn	2011	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56	0380B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Mi Na	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
57	0377B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phước Đức Thịnh	2011	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58	0558B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Văn Minh	2014	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59	0478B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Quang Minh	2012	185	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60	0254B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Nguyễn Minh Trung	2014	181.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61	0028B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Trần Nhật Giang	2013	180	
62	0233B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Nguyễn Thiên Hương	2013	180	
63	0033B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Quang Phong	2013	180	
64	0026B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Minh Khang	2014	175	
65	0210B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lưu Thiên Bảo	2019	175	
66	0126B026	Miền Trung	Nghệ An	Đậu Chí Đức	2014	175	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
67	0029B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Dương Kim Khuyên	2014	175	
68	0178B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Nam Việt	2014	175	
69	0351B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Đức Duy	2014	175	
70	0659B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Cao Anh Minh	2013	175	
71	0680B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Hoàng Minh Quân	2014	171.7	
72	0217B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Trần Anh Quân	2014	170	
73	0263B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lã Trần Ngọc Hân	2014	170	
74	0715B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nhã Uyên Nguyễn Ngọc	2014	170	
75	0418B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Nhật Huy	2011	165	
76	0260B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Xuân Tùng	2013	165	
77	0557B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Bùi Quốc Phát	2012	165	
78	0100B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Mi Chi	2014	165	
79	0369B026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Quốc Thái	2012	165	
80	0543B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quốc Đại Việt	2012	165	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
81	0189B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Khang	2013	160	
82	0329B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Anh Hào	2013	155	
83	0716B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Cường Trần	2011	155	
84	0463B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Minh Việt	2013	155	
85	0569B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Anh Quân	2011	155	
86	0125B026	Miền Trung	Gia Lai	Trần Lê Gia Đạt	2014	155	
87	0749B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Tôn Thất Bảo Duy	2013	155	
88	0588B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Hiếu	2014	155	
89	0664B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Duy Khôi Nguyên	2011	155	
90	0186B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Chu Văn Gia Phước	2011	155	
91	0699B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phú	2013	150	
92	0293B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phạm Hoàng Long	2013	150	
93	0071B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Nguyên Khải	2012	150	
94	0340B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Quang Nhật	2012	150	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
95	0551B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Nguyễn Thanh Tuệ	2013	150	
96	0726B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Khôi Nguyên	2013	150	
97	0500B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phước Minh Hùng	2013	145	
98	0646B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hữu Minh Long	2014	140	
99	0090B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Đình Khôi	2014	140	
100	0709B026	Miền Trung	Nghệ An	Trịnh Minh Kỳ	2014	138.3	
101	0438B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Lưu Gia Bảo	2011	135	
102	0180B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Đặng Nguyễn Gia Hoàng	2012	135	
103	0640B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Bùi Sơn An	2011	130	
104	0245B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Khôi Nguyên	2013	130	
105	0465B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Đức Duy	2013	130	
106	0030B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Phan Quang Huy	2011	130	
107	0452B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hồng Phúc	2013	125	
108	0398B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Phước Thành	2014	125	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
109	0444B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Quốc Thái	2014	120	
110	0142B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Bùi Lê Minh Quân	2012	113.3	
111	0195B026	Miền Trung	Nghệ An	Trần Võ Lâm	2013	110	
112	0253B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lý Phước Nguyên Khang	2014	110	
113	0154B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Bảo	2014	110	
114	0624B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Nguyên	2012	110	
115	0439B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nhã Uyên	2014	108.3	
116	0360B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Gia Đạt	2013	100	
117	0358B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Thanh Tùng	2013	100	
118	0527B026	Miền Trung	Nghệ An	Võ Đức Anh	2014	100	
119	0312B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Trần Quang Minh	2011	100	
120	0556B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Công Minh Kiệt	2014	100	
121	0344B026	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Hoàng Long	2012	98.3	
122	0760B026	Miền Trung	Nghệ An	Phan Đức Nguyên Khôi	2013	95	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
123	0155B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Bạch Minh Đăng	2014	90	
124	0357B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Mỵ Hương Giang	2013	85	
125	0161B026	Miền Trung	Huế	Hồ Đắc Minh Khánh	2012	80	
126	0648B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hùng Tâm	2014	80	
127	0491B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Mai Nhật Tiến	2012	80	
128	0409B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bảo Long	2014	70	
129	0565B026	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Nhật Khánh	2014	70	
130	0255B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trần Gia Huy	2014	60	
131	0059B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Quốc Đạt	2014	60	
132	0324B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Gia Bảo	2013	60	
133	0536B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hải Minh	2012	50	
134	0399B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Hoàng Sơn Ca	2012	43.3	
135	0082B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Trần Hải Đăng	2012	30	
136	0274B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Thiên Nghi	2014	23.3	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
137	0159B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Tuấn Kiệt	2014	10	
138	0546B026	Miền Trung	Thanh Hóa	Trịnh Đại Dương	2014	10	
139	0257B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Vương Phong	2014	0	
139	0313B026	Miền Trung	Đắk Lắk	Phan Hoàng Bách	2011	0	
139	0437B026	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Hải Đăng	2014	0	
139	0472B026	Miền Trung	Khánh Hòa	Le Do Quynh Lam	2012	0	
139	0600B026	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Vương	2012	0	
139	0237B026	Miền Trung	Lâm Đồng	Trần Đức Long	2012	0	

Danh sách gồm 144 thí sinh./.

II.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0269B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Lữ Hoài Thương	2014	290	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0283B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Minh	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0643B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Quân	2015	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0064B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Hoàng Bách	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0238B026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Trí Tài	2012	280	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0379B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hồ Mạnh Hải	2012	265	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0644B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đào Minh Đức	2012	250	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0684B026	Miền Nam	Cần Thơ	Phan Hồng Minh Khôi	2011	240	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0660B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Bảo Khánh Hà	2011	235	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0208B026	Miền Nam	Cà Mau	Huỳnh Huy Hoàng	2011	226.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0027B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hứa Gia Bảo	2014	210	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0243B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Trần Thanh Danh	2011	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0422B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Long Nguyen Minh	2014	200	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0170B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Thành Danh	2012	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0560B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phan Minh Tuệ	2012	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0025B026	Miền Nam	Tây Ninh	Đình Quang Đăng	2014	190	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0074B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Quốc Hùng	2014	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0654B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Trần Khánh Nguyên	2012	180	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0370B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Hoàng Quân	2013	178.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0158B026	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Minh Khuê	2014	176.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0586B026	Miền Nam	An Giang	Lê Gia Phát	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0587B026	Miền Nam	An Giang	Võ Lê Đình Quân	2012	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0362B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Nhật Minh	2011	175	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0625B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Minh Thiên	2012	171.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0036B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Tiến Duy	2014	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0490B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Lê Hải Khiêm	2011	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0143B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Kiến Quang	2012	170	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0102B026	Miền Nam	Đồng Nai	Nguyễn Trọng Khang	2013	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0279B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Chí Dũng	2013	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0244B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Sang	2010	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0310B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Hữu Trí	2011	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0708B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Minh Ethan	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0107B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Kim Long	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0426B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Quân	2012	165	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0039B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Nguyên Kha	2012	160	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0105B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Phúc	2013	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0550B026	Miền Nam	Cà Mau	Trần Hoàng Khang	2013	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0307B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Quân	2011	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0138B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Gia Khang	2011	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0194B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Nhật Nam	2012	155	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0250B026	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Thiện Hoàng	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0471B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nghiêm Tuấn Kiệt	2013	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0206B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hùng Cường	2011	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0548B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Phong	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0669B026	Miền Nam	An Giang	Lê Trần Bách	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0662B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hồ Quốc Minh	2012	150	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0630B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trườn Dực Huân	2012	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0576B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Nguyễn Bùi Hồng Quân	2013	145	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
49	0239B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Mai Phúc Thịnh	2011	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
50	0713B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phùng Gia Minh	2012	140	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
51	0321B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Danh Phát	2012	135	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
52	0417B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đậu Hoàng Đức Khang	2014	130	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
53	0089B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Chí Nghĩa	2013	128.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
54	0230B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Lâm	2014	123.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
55	0746B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Phúc Gia Bảo	2012	123.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
56	0290B026	Miền Nam	Cà Mau	Trần Trọng Nghĩa	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
57	0139B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Quang Hào	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
58	0741B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đỗ Nhật Tiến	2012	120	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
59	0058B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Nguyễn Nhật Tân	2011	113.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
60	0225B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguy Châu Nhật Quỳnh	2011	110 (Thời gian: 01:05:34)	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
61	0247B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Bảo Lâm	2012	110 (Thời gian: 01:11:22)	
62	0177B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Danh	2013	110 (Thời gian: 02:23:00)	
63	0579B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Quang Huy	2012	110 (Thời gian: 03:27:04)	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
64	0474B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Trọng Nhân	2014	110 (Thời gian: 04:09:41)	
65	0510B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đào Tuấn Khôi	2013	110 (Thời gian: 04:50:09)	
66	0356B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng Dũng	2010	103.3	
67	0611B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Khải	2014	103.3	
68	0383B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Kiều Phúc Nguyên	2013	100	
69	0694B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Bùi Việt Trí	2011	100	
70	0176B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Minh Long	2013	100	
71	0745B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đăng Khoa	2013	95	
72	0087B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Quân	2012	90	
73	0023B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trương Minh Thuận	2013	85	
74	0242B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sử Nguyễn Hiền	2012	83.3	
75	0414B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đỗ Nhật Nam	2013	80	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
76	0475B026	Miền Nam	Tây Ninh	Đặng Hữu Tài	2011	80	
77	0339B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Nguyên Đăng Khoa	2012	80	
78	0169B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Tuấn Hoàng	2012	80	
79	0635B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Anh Minh	2013	80	
80	0127B026	Miền Nam	Đồng Tháp	Huỳnh Lê Tường An	2014	80	
81	0754B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Thịnh	2012	80	
82	0095B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Kỳ Nam	2013	80	
83	0234B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Anh Kiệt	2014	80	
84	0705B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Trí Nam	2013	73.3	
85	0052B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tăng Minh Tâm	2013	60	
86	0241B026	Miền Nam	Vĩnh Long	Lưu Đặng Gia Hân	2012	60	
87	0685B026	Miền Nam	Cần Thơ	Trương Phạm Lộc	2012	50	
88	0256B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trí Dũng	2014	45	
89	0037B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Quốc Hạo Nhiên	2014	43.3	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
90	0495B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Nguyễn Minh Hưng	2013	40	
91	0479B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Khang Phan	2011	40	
92	0674B026	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Huy Hoàng	2011	33.3	
93	0614B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lưu Trần Mẫn Khang	2013	30	
94	0365B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hach Trung Kien	2011	10	
95	0051B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vũ Đình Lê Sang	2012	0	
95	0099B026	Miền Nam	Cà Mau	Dương Nguyễn Chấn Hưng	2012	0	
95	0454B026	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hồ Nguyên Bảo	2014	0	

Danh sách gồm 97 thí sinh./.

III. BẢNG D1: SẢN PHẨM SÁNG TẠO THEO CHỦ ĐỀ CHO TRƯỚC DÀNH CHO KHỐI TIỂU HỌC

III.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0063D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Quang	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0014D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Đình Gia Vinh	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Ngọc Trúc Giang	2015		
2	0135D126	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Minh Hoàng	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vũ Văn Phú	2015		
4	0068D126	Miền Bắc	Hà Nội	Lưu Đức Anh	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0184D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Trần Diệp Anh	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lương Bảo Hân	2015		
6	0012D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Danh Thái	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0007D126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đoàn Duy Hưng	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
8	0045D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Tuấn Dương	2015	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0074D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Phạm Văn Nhật Anh	2015	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bùi Thị Hải San	2015		
10	0022D126	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Hải Phong	2016	15	
10	0028D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Công Vinh	2017	15	
10	0034D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nhật Gia Huy	2015	15	
10	0127D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Vi Hương Giang	2016	15	
				Trịnh Ngân Khánh	2016		
14	0072D126	Miền Bắc	Ninh Bình	Phạm Trí Đạt	2016	10	
14	0097D126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đình Duy Anh	2015	10	
14	0160D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nhật Minh	2015	10	
14	0166D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	2015	10	
14	0179D126	Miền Bắc	Tuyên Quang	Dương Thanh Phong	2015	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
19	0169D126	Miền Bắc	Lào Cai	Lý Mè Gió	2015	7	
				Đỗ Đại Nam	2015		
20	0066D126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Đức Mạnh	2017	5	
20	0091D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Ngọc Vinh	2015	5	
20	0162D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nam Khánh	2015	5	
23	0079D126	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Nhật Minh	2015	0	
23	0122D126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đăng Khang	2015	0	
23	0206D126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Nhật Anh	2017	0	

Danh sách gồm 25 đội thi./.

III.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0103D126	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Bảo Châu	2015	100	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đoàn Nguyễn Ngọc Diệp	2015		
2	0021D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Ngọc Minh Kiên	2015	75	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Thị Ánh Dương	2015		
3	0221D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Đắc Khôi	2015	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0003D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Thanh Phúc	2016	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0009D126	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Lê Tú Linh	2016	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0051D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Xuân Ngọc Hồng Phúc	2015	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0112D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Ninh Quang Ngọc	2015	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Hoàng Long	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
8	0011D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Thái Duy Bảo	2016	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0032D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Đình Sơn	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0016D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Hoàng Thảo Nhi	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Minh Phúc	2015		
10	0076D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Hải Phong	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Mai Anh Khoa	2015		
10	0124D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Hưng	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Phan Hoàng Minh Đức	2015		
10	0130D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Đức Giang Sơn	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Như Nhật Minh	2016		
10	0147D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Nhật	2016	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Lê Minh Hy	2016		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
15	0054D126	Miền Trung	Khánh Hòa	Lưu Nguyên Khang	2016	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0056D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Quân	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đoàn Hoàng Sơn	2015		
15	0143D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Việt Khôi	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Lê Nhật Minh	2015		
15	0180D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hồ Hải Đăng	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0205D126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Đức Anh	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Dương Phúc Anh	2015		
20	0059D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Ngọc Thiên Phúc	2015	42	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trần Lê Anh Tiên	2015		
21	0001D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Vũ Phúc Gia Huy	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0017D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Hoàng Việt	2016	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
21	0020D126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Khánh Lâm	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0046D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Tăng Quỳnh Chi	2017	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đặng Hoàng Minh	2015		
21	0057D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Hoàng Khôi	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0087D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Viết Khải Minh	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Thanh Minh Quân	2015		
21	0161D126	Miền Trung	Quảng Trị	Thái Tất Thắng	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0037D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Tạ Ngọc Minh Uy	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0073D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Ngân Khánh	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Nguyễn Trường An	2015		
28	0132D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm An Hy	2016	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
31	0010D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Minh An	2017	30	
31	0041D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Trần Khôi Nguyên	2015	30	
				Bùi Thế Bảo	2016		
31	0049D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Thanh My	2016	30	
31	0050D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Đắc Khoa	2015	30	
				Nguyễn Thanh Minh Trí	2015		
31	0133D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hà Phúc Bảo	2015	30	
				Cung Phạm Hiếu Anh	2015		
31	0165D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Phú Khải	2015	30	
				Võ Anh Kiệt	2015		
31	0175D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Tuấn Khoa	2015	30	
				Nguyễn Tấn Phát	2015		
31	0196D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Khôi	2015	30	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
39	0002D126	Miền Trung	Khánh Hòa	Thái Đình Anh Huy	2015	25	
39	0075D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngô Khải Hy	2016	25	
39	0077D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Mai Anh	2016	25	
				Phan Đỗ Bảo Ngọc	2016		
39	0078D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Chí Thành	2016	25	
				Trần Nguyên Kiệt	2015		
39	0080D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Việt Gia Khải	2015	25 (Sau phúc khảo)	
39	0110D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Minh Nhật	2016	25	
39	0128D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Bảo Hoàng	2015	25	
				Lê Ngọc Đăng Khôi	2015		
39	0151D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Bảo Kha	2015	25	
39	0152D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Gia Khang	2015	25	
39	0171D126	Miền Trung	Gia Lai	Nguyễn Hoàng Bách	2015	25	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
39	0212D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trọng Hiếu	2016	25	
				Nguyễn Nhật Quang	2016		
39	0223D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Quang Phúc	2015	25	
51	0008D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Bá Nhật Minh	2016	20	
				Lê Bá An Khang	2015		
51	0018D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phạm Toàn Thắng	2015	20	
				Ngô Thành Hưng	2015		
51	0038D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Hoàng Minh Đức	2017	20	
				Trần Khắc Nghị	2015		
51	0061D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Viết Hoàng	2015	20	
51	0067D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Gia Hân	2015	20	
51	0092D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Trí Thành	2015	20	
				Trần Trí Đạt	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
51	0099D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Toàn	2016	20	
				Nguyễn Lê Nguyên Kha	2015		
51	0111D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Nguyễn Minh Thu	2015	20	
				Nguyễn Quang Thiên Ân	2015		
51	0118D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vĩnh Kỳ	2015	20 (Sau phúc khảo)	
				Huỳnh Phước Thắng	2015		
51	0129D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Phan Khánh Vy	2016	20	
51	0131D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Tôn Nữ Nhã Viên	2015	20	
				Trần Minh Châu	2015		
51	0186D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Khổng Vũ Minh Khang	2015	20	
				Nguyễn Tường Khánh	2015		
51	0188D126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Phan Thục Khuê	2016	20	
51	0199D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Xuân Phúc	2017	20	
				Hoàng Phước An Bình	2017		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
51	0200D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Mai Phước Nhật Trường	2017	20	
				Ngô Văn Gia Khánh	2015		
51	0219D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Hưng	2015	20	
67	0006D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Trần Kim Khánh	2015	15	
67	0013D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Minh Bảo	2015	15 (Sau phúc khảo)	
				Bùi Phạm Minh Hoàng	2015		
67	0025D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lương Thế Hiển	2016	15	
67	0070D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Huỳnh Nguyễn Khánh Chi	2016	15	
67	0095D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Gia Hân	2015	15 (Sau phúc khảo)	
				Hoàng Minh Dương	2015		
67	0105D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quang Khải	2015	15	
				Nguyễn Thuận An	2015		
67	0115D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Gia Bảo	2016	15	
67	0126D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoàng Quân	2016	15	
				Lê Viết Gia Khải	2016		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
67	0139D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Thanh Nam	2015	15	
67	0155D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Bình An	2015	15	
67	0192D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Lê Phúc An	2016	15	
				Văn Tín Hậu	2016		
67	0193D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trung Hiếu	2016	15	
67	0198D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Trần Bảo Khang	2015	15	
				Trần Quang Nhân	2015		
80	0086D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Ngọc Trung Nhân	2017	12	
81	0023D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Huỳnh Đoàn Nhi	2016	10	
81	0029D126	Miền Trung	Huế	Nguyễn Thanh Phong	2017	10	
81	0069D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Thiên Phúc	2017	10	
81	0083D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Ngô Hoàng Bách	2016	10	
				Lương Minh Khôi	2016		
81	0089D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Dương Minh Quân	2016	10	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
81	0094D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Huy Bảo	2015	10	
81	0100D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Dương Chí Bảo	2015	10	
81	0114D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Khả An	2016	10	
81	0149D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Khang	2014	10	
81	0150D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Châu Khuê	2015	10	
81	0153D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Gia Khiêm	2015	10	
81	0154D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Hữu Nghĩa	2016	10	
81	0159D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Minh Sang	2016	10	
				Văn Hoàng Kim Tiến	2015		
81	0202D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn	2016	10	
95	0216D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Nguyễn Hoàng Phát	2015	8 (Sau phúc khảo)	
				Nguyễn Trương Gia Bảo	2015		
95	0222D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Võ Anh Dũng	2015	8	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
97	0040D126	Miền Trung	Lâm Đồng	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	2016	5	
97	0148D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Văn Bá Vĩnh Thụ	2015	5	
97	0215D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Ngọc Hoàng Quân	2016	5	
				Võ Hồ Diễm Quỳnh	2016		
100	0027D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hữu Quang Minh	2016	0	
100	0085D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Minh Vĩ	2016	0	
100	0090D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Khánh Linh	2016	0	
100	0136D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Văn Đạt	2015	0	
100	0137D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Như Ý	2015	0	
				Nguyễn Thị Khánh An	2015		
100	0146D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Mỹ Nhi	2015	0	
				Cao Gia Hân	2015		
100	0189D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Nhật Anh	2015	0	
100	0207D126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đặng Đình Quốc An	2016	0	

Danh sách gồm 107 đội thi./.

III.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0044D126	Miền Nam	Cà Mau	Trần Phú Vinh	2015	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Danh Gia Huy	2015		
1	0048D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Thiên Bảo	2015	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Bùi Trọng Khôi	2015		
1	0121D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Đoàn Gia Huy	2015	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Lê Thành Đạt	2018		
4	0142D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Huỳnh Tuấn Kiệt	2015	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Trương Quang Minh	2015		
5	0064D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nghiêm Tuấn Phong	2015	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Ngô Thái Thành An	2015		
6	0145D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyên Khang	2015	47	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Hải Hoàng	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
7	0024D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phúc Minh	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Văn Quang Vinh	2015		
7	0213D126	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Đỗ Không Quỳnh	2015		
9	0102D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Ngô Minh Hiếu	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0055D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hồ Khôi Nguyên	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0088D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Quốc Trung	2017	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0168D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Phạm Gia Bảo	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0227D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Trần Thiên Khải	2016	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đào Anh Khoa	2016		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
14	0226D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Gia Huy	2017	28	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Võ Dương Hoàng Thái	2015		
14	0232D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Thiện Nhân	2016	28	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Vương Lê Duy Hiếu	2017		
16	0230D126	Miền Nam	An Giang	Mai Huỳnh Quốc Anh	2017	27	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Huỳnh Thanh Huy	2016		
17	0144D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Túc	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Xuân Thành	2015		
17	0104D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Minh	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0117D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Công Nam	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
17	0156D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Phúc Minh	2017	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0170D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Hùng	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đình Lê Huy	2016		
17	0177D126	Miền Nam	Cà Mau	Nguyễn Tuấn Anh	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0036D126	Miền Nam	Cà Mau	Lê Văn Thế Tài	2017	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0182D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Quý	2017	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Đào Gia Phúc	2017		
23	0138D126	Miền Nam	An Giang	Dương Ngọc Mỹ Kim	2015	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
				Nguyễn Ngọc Tường Lam	2015		
26	0181D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Vũ Hoàng Khang	2016	15	
				Vũ Minh Anh	2016		
26	0183D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Long	2015	15 (Sau phúc khảo)	
				Huỳnh Kim Phúc	2015		
26	0134D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trung Dũng	2015	15	

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
26	0174D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Nguyễn Nam Thành	2015	15 (Sau phúc khảo)	
				Nguyễn Đăng Khoa	2017		
26	0191D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Nhật Minh	2015	15	
26	0203D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Võ Phúc Khang	2016	15	
				Võ An Thuận	2017		
32	0039D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Gia Hân	2018	10	
32	0113D126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Bảo Nam	2018	10 (Sau phúc khảo)	
32	0173D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Minh Hiếu	2015	10	
				Hoàng Xuân Thiên Phú	2017		
32	0195D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Phùng Anh Duy	2016	10	
				Trần Nguyên Sang	2016		
32	0172D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Trần Tuấn Anh	2016	10	
				Hồ Nguyên Bảo	2017		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
32	0209D126	Miền Nam	An Giang	Đỗ Thành Đạt	2017	10	
				Diệp Phú Quý	2016		
32	0225D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Hoàng Khang	2015	10	
				Nguyễn Công Bằng	2015		
32	0229D126	Miền Nam	An Giang	Nông Võ Tuyết Nhi	2015	10	
				Nguyễn Lê Yến Vy	2017		
32	0231D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn An Khương	2015	10	
				Trần Nguyễn Gia Nghi	2026		
41	0210D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Thị Bích Trâm	2015	8	
				Ca Tiến Đình	2015		
42	0208D126	Miền Nam	An Giang	Trương Tuệ Lâm	2016	5	
				Lương Thị Bảo Trâm	2017		
42	0211D126	Miền Nam	An Giang	Thi Cát Ngọc	2015	5	
				Nguyễn Mỹ Kỳ	2015		

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
42	0214D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Gia Bảo	2016	5	
				Lê Hữu Duy	2016		
42	0233D126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Ngọc Tường Vy	2017	5	
				Nguyễn Dương Mộc Thảo	2017		
46	0190D126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Bảo	2016	0	
				Nguyễn Trần Nhật Quang	2016		

Danh sách gồm 46 đội thi./.

IV. BẢNG M1: TOÁN TƯ DUY VÀ TƯ DUY THUẬT TOÁN KHỐI TIỂU HỌC

IV.1. KHU VỰC MIỀN BẮC

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0055M126	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Minh Khôi	2015	78.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0062M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phan Tuấn Minh	2015	73.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0102M126	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hồng Phong	2015	68.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0126M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Phan Trần Bích Ngọc	2015	66.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0048M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hữu Thành Đạt	2015	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0121M126	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Hưng	2015	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0051M126	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Minh Trí	2017	56.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0067M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Ngô Chí Kiên	2016	56.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0033M126	Miền Bắc	Hà Nội	Đình Việt Anh	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0120M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Hoàng Nam	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0027M126	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Việt Anh	2016	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0023M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Vũ Trần Minh Trí	2016	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0052M126	Miền Bắc	Hà Nội	Trương Minh Hải Đăng	2015	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0108M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Phúc Thanh	2016	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0090M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Đức Khang	2016	44.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0130M126	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Tùng Lâm	2016	44.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0038M126	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Bách	2017	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0045M126	Miền Bắc	Hà Nội	Đào Bảo Châu	2016	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0111M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Nguyễn Khánh Hưng	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0131M126	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Đăng Khánh	2016	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0024M126	Miền Bắc	Hà Nội	Bạch Thái Sơn	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0133M126	Miền Bắc	Hà Nội	Mai Hải Nam	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0125M126	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Duy Anh	2016	38.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0101M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Văn Duy Khoa	2017	37.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0091M126	Miền Bắc	Hà Nội	Trịnh Khôi Nguyên	2015	37.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0106M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Hữu Nam Anh	2016	36.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0001M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Khôi	2016	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0066M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hoàng Bách	2016	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0084M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Danh Khoa	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0095M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Minh	2016	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0026M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Minh Nhật	2017	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0035M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Phúc Anh	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0063M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Văn Thái Sơn	2017	30.8	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0004M126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Vũ Đức Huy	2017	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0008M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Khải	2017	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0119M126	Miền Bắc	Hà Nội	Cao Nam Khánh	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0065M126	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Gia Phúc	2018	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0054M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Anh	2015	29.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0116M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Thiên Quang	2016	27.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0098M126	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Mạnh Quang	2017	27.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
41	0097M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	2015	26.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
42	0040M126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Đức Quang	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
43	0036M126	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Lâm Vũ	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
44	0075M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt Huy	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
45	0124M126	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Chí Việt	2015	24.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
46	0032M126	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Gia Bảo	2015	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
47	0042M126	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Vinh Khang	2016	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
48	0123M126	Miền Bắc	Bắc Ninh	Nguyễn Bình Minh	2015	7.5	
49	0080M126	Miền Bắc	Hà Nội	Đàm Trương Minh Nhật	2017	7.5	
50	0076M126	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Hà Minh Đức	2016	5	

Danh sách gồm 50 thí sinh./.

IV.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0005M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Bá An	2017	63.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0117M126	Miền Trung	Nghệ An	Lê Lam	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0016M126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Cẩm Tú	2015	53.3	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0022M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Tiến	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0006M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Như Nhật Minh	2016	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0039M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Viết Hoàng	2015	41.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0058M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Hoài Gia Minh	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0061M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Vĩnh Kỳ	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0078M126	Miền Trung	Nghệ An	Nguyễn Trần Nguyên	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0087M126	Miền Trung	Hà Tĩnh	Võ Trần Gia Bảo	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0009M126	Miền Trung	Quảng Ngãi	Võ HuyNh An Khang	2016	37.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0017M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Hoàng	2016	37.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0020M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Kiều Hà Hoàng Nguyên	2015	37.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0115M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Minh Kiệt	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0059M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Minh Nhật	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0060M126	Miền Trung	Nghệ An	Trần Trịnh Khôi Nguyên	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0096M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Hoàng Duy Khoa	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0113M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Phan Minh Nhật	2016	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0118M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đình Hữu Bảo	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0053M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Đoàn Minh Khoa	2015	22.5	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0109M126	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Bảo Sơn	2016	7.5	

Danh sách gồm 21 thí sinh./.

IV.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0007M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đặng Huỳnh Minh Nhân	2015	90	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0073M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Quang Bách	2015	80	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0047M126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Ngọc Linh Đan	2015	76.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0018M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Trần Nguyễn Khang Nguyên	2015	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0074M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thanh Hà	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0092M126	Miền Nam	Cần Thơ	Huỳnh Đặng Hoàng Long	2015	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0093M126	Miền Nam	Cần Thơ	Nguyễn Thế Sơn	2015	54.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0094M126	Miền Nam	Cần Thơ	Đoàn Việt Quang	2015	54.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0077M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Gia Phúc	2015	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0010M126	Miền Nam	Cần Thơ	Phan Võ Thế Vinh	2015	41.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0099M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Khánh Linh	2015	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0079M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Lê Công Hào	2015	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0082M126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Trần Thiên Khải	2016	31.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0041M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Minh	2016	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0103M126	Miền Nam	Đồng Nai	Võ Huy Hoàng	2015	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0070M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Đức Tú	2017	26.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0129M126	Miền Nam	An Giang	Nguyễn Mỹ Kỳ	2015	26.7	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0064M126	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Tào Nguyên Đoàn	2015	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0072M126	Miền Nam	Cần Thơ	Lê Như Ngọc	2015	24.2	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0104M126	Miền Nam	Cần Thơ	Hoàng Lê Cát Tường	2015	19.2	
21	0031M126	Miền Nam	Tây Ninh	Nguyễn Anh Duy	2017	17.5	
22	0081M126	Miền Nam	An Giang	Phước Nguyễn Hoàng Anh	2016	15	

Danh sách gồm 22 thí sinh./.

V. BẢNG M2: TOÁN TƯ DUY VÀ TƯ DUY THUẬT TOÁN KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ**V.1. KHU VỰC MIỀN BẮC**

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0010M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hà	2011	85	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0002M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Hải Hưng	2012	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0024M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Quang Khải	2013	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0062M226	Miền Bắc	Hà Nội	Đặng Quốc An	2014	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0063M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Việt An	2013	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0076M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Đào Anh Minh	2011	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0106M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Tuấn Hoàng	2012	70	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0005M226	Miền Bắc	Hà Nội	Vũ Duy Cường	2012	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0087M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Bùi Quốc Việt	2013	65	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0079M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Lê Tuấn Anh	2014	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0011M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Gia Bách	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
12	0042M226	Miền Bắc	Hà Nội	Chu Quang Dũng	2014	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
13	0033M226	Miền Bắc	Hà Nội	Tổng Minh Khuê	2012	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
14	0016M226	Miền Bắc	Hà Nội	Thang Vĩnh Phúc	2013	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
15	0071M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Bình Minh	2012	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
16	0105M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đình Minh	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
17	0031M226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Đỗ Đức Kiệt	2014	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
18	0035M226	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Anh Vũ	2013	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
19	0043M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Tạ Gia Lộc	2013	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
20	0045M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Mạnh Hùng	2012	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
21	0058M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Viết Thắng	2012	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
22	0104M226	Miền Bắc	Hà Nội	Hà Gia Khôi	2012	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
23	0041M226	Miền Bắc	Hà Nội	Bùi Đức Anh	2014	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
24	0049M226	Miền Bắc	Hà Nội	Lê Trí Minh	2014	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
25	0095M226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Nguyễn Thành	2013	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
26	0017M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đăng Minh	2014	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
27	0027M226	Miền Bắc	Hà Nội	Đỗ Gia Bảo	2012	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
28	0098M226	Miền Bắc	Quảng Ninh	Trần Gia Huy	2013	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
29	0044M226	Miền Bắc	Hà Nội	Ngô Trung Nghĩa	2014	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
30	0052M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Đoàn Đức Anh	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
31	0068M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Hoàng Văn Phong	2012	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
32	0061M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Nam Anh	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
33	0074M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Trí Kiên	2012	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
34	0077M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Quang Hải Phong	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
35	0086M226	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Bá Khôi	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
36	0019M226	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Nam Phi	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
37	0084M226	Miền Bắc	Hà Nội	Trần Hải Long	2013	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
38	0082M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Trí	2013	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
39	0075M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tùng Dương	2013	25	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
40	0069M226	Miền Bắc	Hải Phòng	Đặng Ngọc Khang	2012	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
41	0021M226	Miền Bắc	Hà Nội	Phạm Diệp Anh	2013	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
42	0015M226	Miền Bắc	Hà Nội	Hoàng Bảo Nam	2013	15	
43	0020M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Hải Đăng	2013	10	
44	0083M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Quang	2013	5	
45	0028M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Tuấn Minh	2014	5	
46	0096M226	Miền Bắc	Hà Nội	Nguyễn Đức Minh Duy	2013	0	

Danh sách gồm 46 thí sinh./.

V.2. KHU VỰC MIỀN TRUNG

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
1	0056M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Bùi Trần Như Ý	2013	60	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0038M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trần Gia Huy	2014	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0101M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phạm Kim Ngân	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0102M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trần Phạm Gia Ngân	2014	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0001M226	Miền Trung	Thanh Hóa	Dương Chí Dũng	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0065M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Nguyễn Nam Việt	2014	45	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
7	0040M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Lã Trần Ngọc Hân	2014	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
8	0073M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Trương Quốc Đại Việt	2012	40	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm thi	Kết quả xét chọn
9	0007M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc Minh Khang	2014	30	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
10	0051M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Cao Huy Hoàng	2011	20	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
11	0030M226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Đậu Quốc Trung	2013	15	
12	0059M226	Miền Trung	Lâm Đồng	Lê Hồng Linh Đan	2014	15	
13	0046M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Lê Mai Linh Khương	2013	10	
14	0078M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Phạm Thái Minh Khang	2014	10	
15	0089M226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Nguyễn Đình Phú	2013	10	
16	0039M226	Miền Trung	Đà Nẵng	Đỗ Trần Gia Hòa	2014	0	
16	0088M226	Miền Trung	Hà Tĩnh	Lê Đăng Hoàng Quân	2012	0	

Danh sách gồm 17 thí sinh./.

V.3. KHU VỰC MIỀN NAM

Xếp hạng theo Khu vực	SBD	Khu vực	Tỉnh, Thành phố	Họ và tên	Năm sinh	Điểm tổng	Kết quả xét chọn
1	0047M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Đình Đức Vũ An	2013	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
2	0091M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Nhật Minh Ethan	2012	55	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
3	0008M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hứa Gia Bảo	2014	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
4	0081M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Anh Quân	2012	50	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
5	0037M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hoàng Bảo Lâm	2012	35	Lựa chọn tham gia Vòng Khu vực
6	0072M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dương Minh Triết	2014	15	
7	0107M226	Miền Nam	An Giang	Bùi Trương Nhật Thiên	2014	10	
8	0067M226	Miền Nam	Vĩnh Long	Huỳnh Hồ Minh Huy	2011	5	
9	0054M226	Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	Hồ Nguyên Bảo	2014	0	

Danh sách gồm 09 thí sinh./.